

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề 003

Câu 41. Tỉnh nào sau đây **không** thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Long An. B. Đồng Nai. C. Bình Dương. D. Tây Ninh.

Câu 42. Khu vực nào sau đây ở nước ta có động đất mạnh nhất?

- A. Nam Bộ. B. Miền Trung. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 43. Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam hoạt động ở nước ta xuất phát từ áp cao

- A. cận chí tuyến bán cầu Bắc. B. cận chí tuyến bán cầu Nam.
C. Bắc Ấn Độ Dương. D. Xibia.

Câu 44. Quốc lộ 1 bắt đầu từ tỉnh Lạng Sơn và kết thúc ở

- A. thành phố Cần Thơ. B. tỉnh Kiên Giang.
C. tỉnh Cà Mau. D. thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 45. Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới là do

- A. có đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, cửa sông.
B. nằm trong vùng nội chí tuyến có nền nhiệt độ cao.
C. gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế.
D. ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết các khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Hòn La, Chu Lai. B. Vũng Áng, Hòn La.
C. Nghi Sơn, Dung Quất. D. Dung Quất, Vũng Áng.

Câu 47. Các loại hình dịch vụ mới ra đời ở nước ta từ Đổi mới đến nay là

- A. thương mại, viễn thông. B. bưu chính, giao thông vận tải.
C. viễn thông, tư vấn đầu tư. D. giao thông vận tải, thương mại.

Câu 48. Tiềm năng về thủy điện của nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống sông

- A. Mã. B. Đồng Nai. C. Thu Bồn. D. Hồng.

Câu 49. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở nông thôn nước ta là biện pháp nhằm

- A. phát triển giao thông nông thôn. B. phát triển nông nghiệp cổ truyền.
C. giảm tỉ lệ thiếu việc làm. D. giảm tỉ suất sinh ở nông thôn.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. B. Hải Phòng, Cần Thơ.
C. Cần Thơ, Hà Nội. D. TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

Câu 51. Than bùn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây nằm cả ở phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Đồng Nai. B. Cà. C. Thu Bồn. D. Mê Công.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây **không** thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Con Voi. B. Pu Đen Đinh. C. Pu Sam Sao. D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 54. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chủ yếu thuộc vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Tây Nguyên.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 55. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết các đô thị nào sau đây có quy mô dân số trên 1 triệu người?

- A. TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng. B. Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng.
C. Hải Phòng, Cần Thơ, Hà Nội. D. Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 56. Vào nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở nước ta có tính chất lạnh ẩm vì gió này di chuyển

- A. qua lục địa Trung Hoa rộng lớn. B. xuống phía nam và mạnh lên.
C. về phía tây và qua vùng núi. D. về phía đông qua biển.

Câu 57. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự phân hóa mùa vụ trong nông nghiệp ở nước ta?

- A. Sự phân hóa đất đai. B. Hệ thống sông khác nhau.
C. Sự phân hóa khí hậu. D. Độ cao địa hình khác nhau.

Câu 58. Diện tích đất nông nghiệp ở nước ta hiện nay bị thu hẹp, chủ yếu do sự phát triển của

- A. công nghiệp hóa, đô thị hóa. B. hiện đại hóa, cơ giới hóa.
C. đô thị hóa, cơ giới hóa. D. cơ giới hóa, thủy lợi hóa.

Câu 59. Trung tâm công nghiệp Cần Thơ có thế mạnh đặc biệt để phát triển ngành nào sau đây?

- A. Luyện kim màu. B. Chế biến nông sản.
C. Sản xuất ô tô. D. Đóng tàu.

Câu 60. Trung du và miền núi Bắc Bộ có các loại khoáng sản nào sau đây?

- A. Apatit, sắt, dầu mỏ. B. Than, sắt, đồng.
C. Than, dầu mỏ, khí đốt. D. Đá vôi, cao lanh, khí đốt.

Câu 61. Tài nguyên quan trọng hàng đầu của Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển sản xuất lương thực là

- A. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. B. khí hậu có tính chất cận xích đạo.
C. đất phù sa với diện tích lớn. D. nhiều giống loài thực vật có giá trị.

Câu 62. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG BÒ CỦA TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, TÂY NGUYÊN
GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn con)

| Vùng | Năm | | | |
|-----------------------------|-------|--------|-------|-------|
| | 2005 | 2009 | 2011 | 2014 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 899,8 | 1057,7 | 946,4 | 926,7 |
| Tây Nguyên | 616,9 | 716,9 | 689,0 | 673,7 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về số lượng bò giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng nhanh hơn Tây Nguyên.
B. Tây Nguyên lớn hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Tây Nguyên tăng ít hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ lớn hơn Tây Nguyên.

Câu 63. Vùng nào sau đây có số dân đô thị lớn nhất nước ta hiện nay?

- A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 64. Ý kiến nào sau đây **không** đúng với xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Giảm tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp. B. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.
C. Tăng tỉ trọng chăn nuôi lấy thịt và sữa. D. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.

Câu 65. Nhận định nào sau đây đúng về vấn đề việc làm ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay?

- A. Tỷ lệ thiếu việc làm ở các đô thị lớn rất cao.
- B. Tỷ lệ thất nghiệp cao ở các vùng thuần nông.
- C. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn nông thôn.
- D. Tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn thấp hơn thành thị.

Câu 66. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: mm)

| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-----------------|------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
| Hà Nội | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 230,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |
| TP. Hồ Chí Minh | 13,8 | 4,1 | 10,5 | 50,4 | 218,4 | 311,7 | 293,7 | 269,8 | 327,1 | 266,7 | 116,5 | 48,3 |

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết so sánh nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Tháng mưa cực đại ở Hà Nội đến sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
- B. Thời gian mùa mưa ở TP. Hồ Chí Minh dài hơn Hà Nội.
- C. Tháng có lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội có tổng lượng mưa cả năm lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 67. Điểm công nghiệp ở nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có nhiều xí nghiệp công nghiệp.
- B. Chủ yếu khai thác hay sơ chế nguyên liệu.
- C. Gắn với một điểm dân cư.
- D. Phân bố gần nguồn nguyên liệu.

Câu 68. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về nguồn lao động Việt Nam?

- A. Mỗi năm tăng thêm hơn 1 triệu người.
- B. Chuyên biến cơ cấu theo ngành rất nhanh.
- C. Người lao động cần cù, sáng tạo.
- D. Chất lượng lao động ngày càng cao.

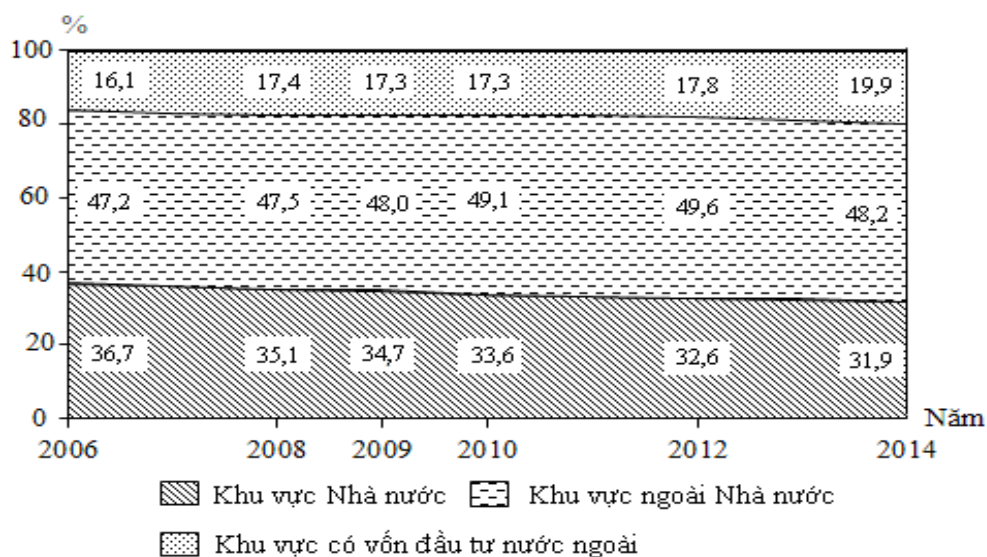
Câu 69. Đông Nam Bộ thu hút được nhiều nguồn đầu tư trong và ngoài nước, chủ yếu dựa vào nhân tố nào sau đây?

- A. Cơ cấu kinh tế tương đối hoàn chỉnh.
- B. Có nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển.
- C. Có những chính sách phát triển phù hợp.
- D. Sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

Câu 70. Việc phát triển đánh bắt hải sản xa bờ ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tránh khai thác sinh vật có giá trị kinh tế cao và giúp bảo vệ thềm lục địa.
- B. Giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản và bảo vệ an ninh vùng biển.
- C. Góp phần giải quyết việc làm và phát huy thế mạnh của biển đảo.
- D. Tăng cường bảo vệ môi trường và khẳng định chủ quyền vùng biển.

Câu 71. Cho biểu đồ về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014:



Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây là đúng nhất về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014?

- A. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
- B. Giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
- D. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

Câu 72. Khó khăn lớn nhất của nước ta về sản xuất cây công nghiệp lâu năm là

- A. thị trường thế giới có nhiều biến động.
- B. thời tiết, khí hậu biến đổi thất thường.
- C. đất đai bị xâm thực, xói mòn mạnh.
- D. mạng lưới cơ sở chế biến còn thưa thớt.

Câu 73. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ nước ta?

- A. Phong cảnh thiên nhiên trù phú, xanh tươi.
- B. Đầm phá khá phổ biến, thêm lục địa rộng.
- C. Mở rộng về phía biển, đất đai màu mỡ.
- D. Có rừng ngập mặn, bãi triều thấp phẳng.

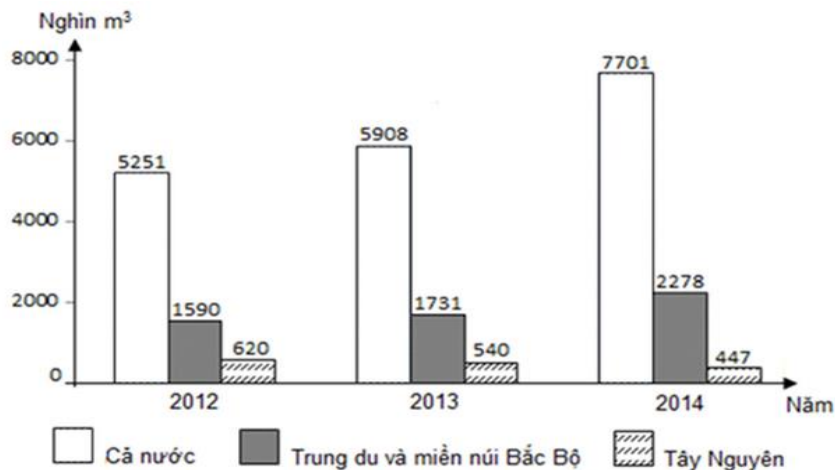
Câu 74. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta phổ biến các loại đất nào sau đây?

- A. Feralit nâu đỏ và đất mùn thô.
- B. Feralit có mùn và mùn thô.
- C. Feralit nâu đỏ và đất phù sa.
- D. Feralit có mùn và đất mùn.

Câu 75. Loại tài nguyên du lịch tự nhiên nào sau đây **không** có nhiều ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ?

- A. Hồ tự nhiên.
- B. Hang động cacxtơ.
- C. Vườn quốc gia.
- D. Bãi biển.

Câu 76. Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG, GIAI ĐOẠN 2012 - 2014

Dựa vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng gỗ khai thác của cả nước và một số vùng, giai đoạn 2012 - 2014?

- A. Cả nước tăng ít hơn số giảm của Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng nhiều hơn cả nước, Tây Nguyên giảm.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng không ổn định, cả nước tăng nhanh.
- D. Cả nước tăng nhanh hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên giảm.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

SỐ KHÁCH QUỐC TẾ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ LỮ HÀNH CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014

| Năm | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 |
|-------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Số khách quốc tế (nghìn lượt người) | 5 049,8 | 6 014,0 | 6 847,7 | 7 572,4 | 7 874,3 |
| Doanh thu dịch vụ lữ hành (tỉ đồng) | 10 278,4 | 15 539,3 | 18 091,6 | 18 852,9 | 24 820,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện số khách quốc tế và doanh thu dịch vụ lữ hành của nước ta, giai đoạn 2010 - 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột ghép. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 78. Ở Bắc Trung Bộ hiện nay, để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian, cần phải

- A. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị.
B. đầu tư mạnh cho xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật.
C. chú trọng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi.
D. gắn các vùng sản xuất nông nghiệp với lâm và ngư nghiệp.

Câu 79. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nghề nuôi tôm ở nước ta phát triển mạnh trong những năm gần đây?

- A. Điều kiện nuôi thuận lợi và kĩ thuật nuôi ngày càng được cải tiến.
B. Chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản của Nhà nước.
C. Thị trường ngoài nước được mở rộng và có nhu cầu ngày càng lớn.
D. Giá trị thương phẩm nâng cao nhờ công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 80. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế?

- A. Chính sách Nhà nước phát triển miền núi. B. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Giao lưu thuận lợi với các vùng khác. D. Nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.